

TRƯỜNG TRUNG CẤP QUỐC TẾ MEKONG



GIÁO TRÌNH MÔN HỌC: SỨC KHỎE SINH SẢN NGÀNH: Y SỸ TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

*Ban hành kèm theo Quyết định số 48/2024/QĐ-TCQTMK ngày 25 tháng 01 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Quốc tế Mekong*

**Thành phố Cần Thơ, tháng 01 năm 2024
Lưu hành nội bộ**

LỜI GIỚI THIỆU

Giáo trình này tập hợp các bài giảng lý thuyết về **Sức khỏe sinh sản** dành cho học sinh hệ Trung cấp. Các bài giảng là do quý Thầy Cô giảng dạy của Khoa viết theo số tiết giảng dạy được phân công trong chương trình học của Học sinh trung cấp.

Giáo trình được trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về sức khỏe bà mẹ và sản phụ thường gặp cũng như biết được những nguyên nhân, triệu chứng, tiến triển và biến chứng một số bệnh thường gặp trong Sản Phụ khoa

Trong quá trình biên soạn giáo trình này, tổ biên soạn đã cố gắng bám sát khung chương trình đào tạo, cập nhật các kiến thức từ nhiều nguồn tài liệu, nhằm thể hiện được kiến thức cơ bản, hiện đại và thực tiễn. Trường rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các đồng nghiệp, các độc giả để giáo trình hoàn thiện hơn trong lần ban hành sau.

Xin cảm ơn các cơ quan liên quan, các đơn vị và cá nhân đã tham gia.

Cần Thơ, ngày 25 tháng 01 năm 2024

Hiệu trưởng

(đã ký)

DSCKII. Nguyễn Văn Ảnh

LỜI NÓI ĐẦU

Giáo trình này tập hợp các bài giảng **lý thuyết về Sản và Phụ khoa** dành cho học sinh hệ Trung cấp. Các bài giảng là do quý Thầy Cô giảng dạy của Khoa viết theo số tiết giảng dạy được phân công trong chương trình học của Học sinh trung cấp.

Giáo trình được biên soạn dựa trên cơ sở chương trình khung đã được phê duyệt. Giáo trình được các giáo viên lâu năm và tâm huyết với công tác đào tạo biên soạn theo phương châm: kiến thức cơ bản, hệ thống; nội dung chính xác, khoa học, cập nhật các tiến bộ khoa học, kỹ thuật hiện đại và thực tiễn Việt Nam như sau:

- Về kiến thức: Trình bày những kiến thức cơ bản về sức khỏe sinh sản; Trình bày nguyên nhân, triệu chứng, tiến triển và biến chứng một số bệnh thường gặp trong Sản Phụ khoa; Giáo dục sức khỏe về Dân Số - Kế hoạch hóa gia đình.

- Về kỹ năng: Làm bệnh án Sản Phụ khoa.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có trình độ năng lực và kỹ năng xử lý các tình huống có liên quan về sức khỏe sinh sản.

Trong quá trình biên soạn giáo trình này, tổ đã cố gắng bám sát khung chương trình đào tạo, cập nhật các kiến thức từ nhiều nguồn tài liệu, nhằm thể hiện được kiến thức cơ bản, hiện đại và thực tiễn. Trong quá trình soạn không tránh khỏi những thiếu sót, chúng tôi mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của các nhà khoa học, nhà quản lý và giáo viên giảng dạy

TM. Tổ biên soạn

(đã ký)

ThS. La Thanh Chí Hiếu

MỤC LỤC

Bài 1. ĐẠI CƯƠNG SỨC KHOẺ SINH SẢN	1
1. Định nghĩa sức khỏe sinh sản	1
2. Các giải pháp lớn	3
3. Các biện pháp chăm sóc khỏe sinh sản	3
Bài 2. GIẢI PHẪU, SINH LÝ SINH DỤC NỮ	7
1. Đặc điểm giải phẫu của bộ máy sinh dục nữ	7
2. Sinh lý sinh dục nữ	12
Bài 3. THAI NHI ĐỦ THÁNG VÀ PHẦN PHỤ ĐỦ THÁNG	19
1. Đặc điểm chung thai đủ tháng	19
2. Đặc điểm về giải phẫu thai đủ tháng	19
3. Đặc điểm về sinh lý thai đủ tháng	22
4. Các màng thai phần phụ đủ tháng	24
5. Bánh nhau phần phụ đủ tháng	25
6. Dây rốn phần phụ đủ tháng	27
7. Nước ối phần phụ đủ tháng	28
Bài 4. CHẨN ĐOÁN THAI – QUẢN LÝ THAI NGHÉN	30
1. Chẩn đoán thai nghén	30
2. Quản lý thai nghén	35
Bài 5. CHẨN ĐOÁN NGÔI- THẾ- KIỂU THẾ- ĐỘ LỘT CỦA THAI	40
1. Định nghĩa	40
2. Chẩn đoán ngôi, thế, kiểu thế	40
Bài 6. CÁC DẤU HIỆU CHUYỂN DẠ VÀ THEO DÕI CHĂM SÓC CHUYỂN DẠ	42
1. Các giai đoạn của một cuộc chuyển dạ	48
2. Cơ co tử cung	49
3. Cơ co thành bụng	51
4. Tác dụng của cơ co tử cung và cơ co thành bụng	52
5. Chuyển dạ về phương diện lâm sàng	54

6. Theo dõi chuyển dạ	55
7. Các trường hợp chuyển dạ không bình thường	60
Bài 7. SUY THAI VÀ HỒI SỨC SƠ SINH NGAY SAU ĐẼ	63
1. Suy thai	63
2. Hồi sức sơ sinh	67
Bài 8. THEO DÕI CHĂM SÓC SẢN PHỤ SAU SANH	71
1. Những hiện tượng sinh lý sau sanh	71
2. Chăm sóc theo dõi cho bà mẹ thời kỳ sau sanh	73
Bài 9. CHĂM SÓC TRẺ SƠ SINH NGAY SAU ĐẼ	77
1. Hút dịch miệng (hoặc lau)	77
2. Kẹp và cắt rốn :	77
3. Đặt nằm, lau khô, ủ ấm	78
4. Làm rốn (không dùng lại dụng cụ của hộp cắt rốn)	78
5. Quan sát dị tật	79
6. Mặc áo quần lót	79
7. Cân đo	79
8. Nhỏ mắt	79
9. Tiêm vitamin k 1	80
10. Trao bé cho gia đình	80
Bài 10. ĐẠI CƯƠNG ĐẼ KHÓ	82
1. Nguyên nhân	82
2. Chẩn đoán và xử trí	83
Bài 11. CHẤN THƯƠNG ĐƯỜNG SINH DỤC TRONG KHI ĐẼ	90
1. Phân loại chấn thương đường sinh dục	90
2. Rách tầng sinh môn	91
3. Rách âm hộ	94
4. Rách âm đạo	95
5. Rách cổ tử cung	95

6. Đề phòng chấn thương đường sinh dục	97
Bài 12. SẢY THAI	100
1. Định nghĩa	100
2. Nguyên nhân gây sảy thai	100
3. Lâm sàng các giai đoạn sảy thai	101
4. Các thể lâm sàng khác nhau của sảy thai	103
5. Chẩn đoán phân biệt	104
6. Xử trí	105
Bài 13. THAI CHẾT LƯU	108
1. Định nghĩa	108
2. Nguyên nhân	108
3. Triệu chứng lâm sàng	109
4. Diễn biến của thai chết trong tử cung	110
5. Xử trí	111
Bài 14. CHỮA NGOÀI TỬ CUNG	113
1. Định nghĩa	113
2. Nguyên nhân	113
3. Vị trí thai làm tổ ngoài tử cung	114
4. Triệu chứng: Một số thể lâm sàng điển hình	117
5. Hướng xử trí	117
6. Kế hoạch chăm sóc: Giảm lo lắng, mất ngủ cho người bệnh:	119
Bài 15. NHAU TIỀN ĐẠO	119
1. Định nghĩa và phân loại	119
2. Nguyên nhân của NTĐ	120
3. Lâm sàng các trường hợp nhau tiền đạo	120
4. Thái độ xử trí đối với NTĐ	122
Bài 16. NHAU BONG NON	125
1. Định nghĩa và phân loại	125
2. Lâm sàng	126

3. Xử trí	128
Bài 17. CHỬA TRỨNG	131
1. Lâm sàng	132
2. Chẩn đoán phân biệt	133
3. Diễn biến của chữa trứng	134
4. Xử trí	134
Bài 18. NHIỄM ĐỘC THAI NGHÉN VÀ SẢN GIẬT	137
1. Tăng huyết áp do thai nghén	137
2. Tiền sản giật	138
3. Sản giật: tiền sản giật kèm cơn co giật hoặc hôn mê	140
4. Chẩn đoán phân biệt	142
5. Xử trí và chăm sóc	144
6. Biến chứng của tăng hạ, tiền sản giật và sản giật	146
7. Phòng bệnh	147
Bài 19. VỠ TỬ CUNG	
1. Đại cương	
2. Vỡ tử cung trong thai kỳ	
3. Vỡ tử cung trong chuyển dạ	149
4. Tiên lượng	149
5. Điều trị	149
6. Dự phòng	149
Bài 20. CHẢY MÁU SAU SINH	150
1. Đại cương	152
2. Bệnh lý thời kỳ sổ nhau	153
3. Chấn thương đường sinh dục	153
4. Bệnh lý rối loạn đông chảy máu	155
Bài 21. NHIỄM KHUẨN HẬU SẢN	155
	158
	159

1. Đại cương	161
2. Các hình thái nhiễm khuẩn hậu sản	161
3. Dự phòng	162
Bài 22. UỐN VÁN RÓN SƠ SINH	169
1.Đại cương	170
2. Giải phẫu cuống rốn:	170
3.Triệu chứng lâm sàng:	171
4. Điều trị:	172
5. Dự phòng uốn ván rốn:	174
Bài 23. U XƠ TỬ CUNG	174
1. Đại cương	174
2. Vị trí của u xơ tử cung	174
3. Triệu chứng	175
4. Tiến triển và biến chứng	176
5. Điều trị	178
Bài 24. CÁC BỆNH PHỤ KHOA THƯỜNG GẶP	178
1. Đại cương	178
2. Các thể lâm sàng của viêm âm đạo	182
3. Viêm phần phụ	186
Bài 25. RỐI LOẠN KINH NGUYỆT	186
1. Đại cương	186
2. Rong kinh, rong huyết tuổi trẻ	186
3. Rong kinh, rong huyết tiền mãn kinh	187
4.Rong kinh, rong huyết tuổi sinh đẻ (18 - 45 tuổi)	191
Bài 26. VỆ SINH KINH NGUYỆT	191
1. Dấu hiệu thay đổi trong những ngày hành kinh	193
2. Vệ sinh	193
Bài 27. U NANG BUỒNG TRỨNG	193
1. Định nghĩa	193
2. Phân loại	194
3. Triệu chứng	194
4. Biến chứng	194

5. Điều trị	195
Bài 28. UNG THƯ VÚ	197
1.Đại cương	197
2.Giải phẫu bệnh	197
3. Tiến triển	198
4. Phân loại theo T.N.M (Tumor Nodule Metastase)	198
5.Chẩn đoán	198
6. Điều trị	198
7. Các yếu tố tiên lượng	199
 Bài 29. UNG THƯ CỔ TỬ CUNG	 202
1. Yếu tố nguy cơ	202
2. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng	203
3. Chẩn đoán phân biệt	206
4. Điều trị	206
5. Tiên lượng	206
6. Dự phòng	206
Bài 30. SỨC KHỎE SINH SẢN VỊ THÀNH NIÊN	209
1.Định nghĩa	209
2. Những thay đổi về giải phẫu và sinh lý trong thời kỳ VTN.	209
3. Những biến đổi về tâm lý trong thời kỳ VTN	210
4.Chăm sóc sức khỏe vị thành niên	211
Bài 31. BỆNH LÂY TRUYỀN QUA ĐƯỜNG TÌNH DỤC	213
1.Các hội chứng và tác nhân gây nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục	213
2. Hội chứng loét sinh dục	214
3. Sùi mào gà sinh dục	216
Bài 32. VÔ SINH	220
1. Định nghĩa và phân loại vô sinh	220
2. Nguyên nhân	221
3. Các bước khám và thăm dò chẩn đoán	221

4. Phương pháp điều trị	224
Bài 33. TƯ VẤN KẾ HOẠCH HOÁ GIA ĐÌNH	226
1. Mục đích của tư vấn kế hoạch hoá gia đình	226
2. Quyền cơ bản của khách hàng	226
3. Các phẩm chất cần có của người tư vấn khhgđ (4 chữ “t”)	227
4. Các bước tiến hành tư vấn (sáu chữ "G")	227
Bài 34. LẬP KẾ HOẠCH, QUẢN LÝ THEO DÕI VIỆC TRÁNH THAI	
1. Nguyên tắc chính của công tác tư vấn về tránh thai	231
2. Hướng dẫn khách hàng một số thông tin cần theo dõi của các phương pháp tránh thai	231
3. Kế hoạch theo dõi	233
4. Lập bảng theo dõi khách hàng theo mẫu	234
Bài 35. LẬP KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU DÂN SỐ- KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH	236
1. Tình hình dân số Việt Nam.	236
2. Lập kế hoạch thực hiện các hoạt động về DS-KHHGD	237
Bài 36. CÁC BIỆN PHÁP TRÁNH THAI	241
1. Các biện pháp tránh thai	241
2. Các phương pháp tránh thai truyền thống	246
3. Phương pháp đình sản tự nguyện	246
TÀI LIỆU THAM KHẢO	249

Bài 1

ĐẠI CƯƠNG SỨC KHOẺ SINH SẢN

Mục tiêu học tập:

1. Trình bày được định nghĩa sức khỏe sinh sản
2. Nêu được các nội dung chăm sóc sức khỏe sinh sản
3. Thực hiện được các biện pháp chăm sóc sức khỏe sinh sản

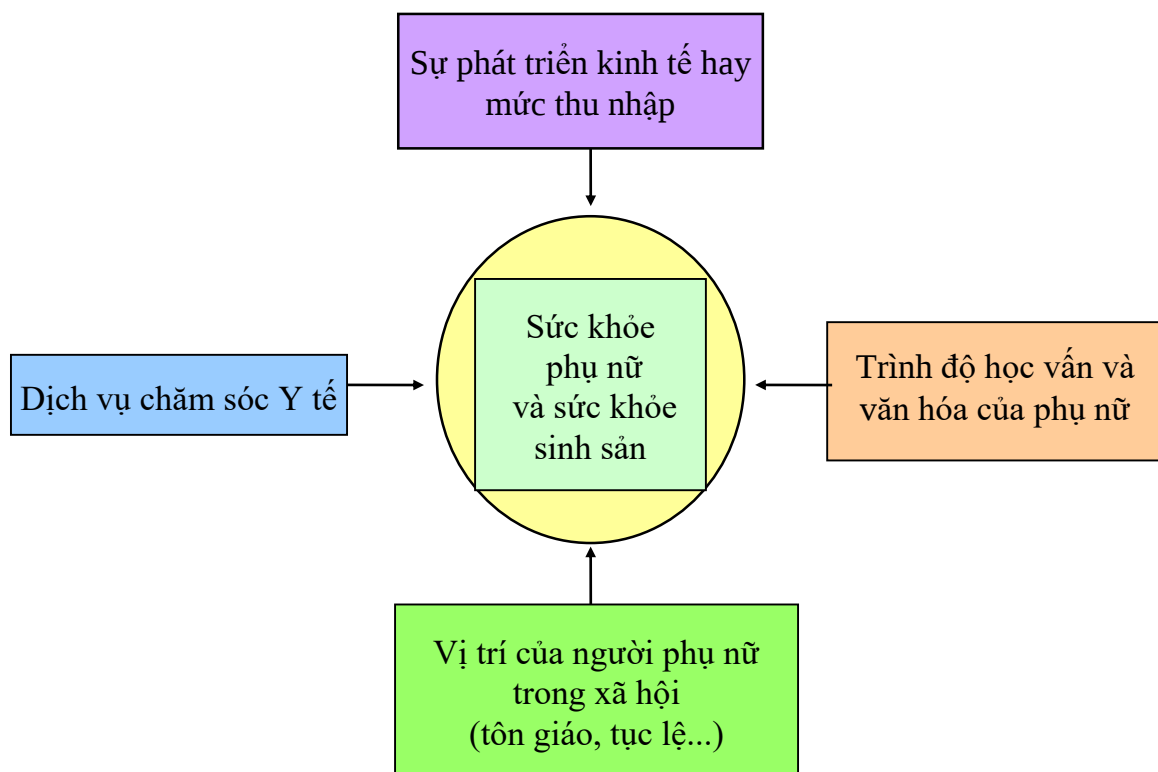
Nội dung chính

1. Định nghĩa sức khỏe sinh sản

1.1. Định nghĩa

Theo Hội nghị Quốc tế về Dân số và Phát triển ở Cairo, 1994 (ICPD 1994): “Sức khỏe sinh sản là sự thoải mái hoàn toàn về thể chất, tinh thần và xã hội, không chỉ đơn thuần là không có bệnh tật hoặc tàn phế của hệ thống sinh sản”. Điều này là mọi người, kể cả nam và nữ, đều có quyền được nhận thông tin và tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, biện pháp kế hoạch hoá gia đình, bảo đảm cho phụ nữ trải qua quá trình thai nghén và sinh đẻ an toàn, tạo cho các cặp vợ chồng cơ may tốt nhất để sinh được đứa con lành mạnh.

1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe sinh sản



1.3. Các nội dung chính của chăm sóc sức khỏe sinh sản

- Kế hoạch hoá gia đình
- Làm mẹ an toàn
- Thông tin - giáo dục truyền thông và tư vấn.
- Nạo hút thai an toàn.
- Phòng và điều trị vô sinh.
- Phòng và chữa các bệnh lây truyền theo đường tình dục / nhiễm khuẩn đường sinh sản.
- Sức khoẻ sinh sản vị thành niên.
- Đề phòng và phát hiện sớm các ung thư sinh dục.
- Sức khoẻ phụ nữ tiền mãn kinh và mãn kinh.

1.4. Các mục tiêu

Mục tiêu 1: Tạo được sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức cũng như sự ủng hộ và cam kết thực hiện các mục tiêu và các nội dung của CSSKSS trong mọi tầng lớp nhân dân, trước hết trong cán bộ lãnh đạo các cấp.

Mục tiêu 2: Duy trì vững chắc xu thế giảm sinh. Bảo đảm quyền sinh con và lựa chọn các biện pháp tránh thai có chất lượng của phụ nữ và các cặp vợ chồng. Giảm có thai ngoài ý muốn và các tai biến do nạo hút thai.

Mục tiêu 3: Nâng cao tình trạng sức khoẻ của phụ nữ và các bà mẹ, giảm tỷ lệ bệnh tật, tử vong mẹ, tử vong chu sinh và tử vong trẻ em một cách đồng đều hơn giữa các vùng và các đối tượng, chú ý các vùng khó khăn và các đối tượng chính sách.

Mục tiêu 4: Dự phòng có hiệu quả để làm giảm số mắc mới và điều trị tốt các bệnh nhiễm khuẩn đường sinh sản và các bệnh lây truyền qua đường tình dục, kể cả HIV/ AIDS và tình trạng vô sinh.

Mục tiêu 5: CSSKSS tốt hơn cho người cao tuổi, đặc biệt là phụ nữ cao tuổi, phát hiện và điều trị sớm các trường hợp ung thư vú và các ung thư khác của đường sinh sản nam và nữ.

Mục tiêu 6: Cải thiện tình hình sức khoẻ sinh sản, sức khoẻ tình dục (SKTD) của vị thành niên (VTN), thông qua việc giáo dục, tư vấn, cung cấp dịch vụ CSSKSS phù hợp với lứa tuổi.

Mục tiêu 7: Nâng cao sự hiểu biết của phụ nữ và nam giới về giới tính và tình dục để thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm sinh sản, xây dựng quan hệ tình dục an toàn,

có trách nhiệm, bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau nhằm nâng cao sức khỏe sinh sản và chất lượng cuộc sống.

2. Các giải pháp lớn

2.1. Tăng cường thông tin giáo dục truyền thông

Phổ biến rộng rãi thông tin về SKSS dưới hình thức đa dạng, phù hợp. Tiếp cận mọi đối tượng. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng TTGDDT về: KHHGĐ; Vệ sinh thai nghén, STD/RTI, khám thai; Giúp vị thành niên hiểu biết về giới tính và tình dục. CSSKSS người cao tuổi

Đào tạo cán bộ về chuyên môn, về thông tin tư vấn. Đào tạo kỹ năng vận động và tư vấn cho cán bộ y tế và KHHGĐ.

2.2. Kiện toàn hệ thống cung cấp dịch vụ

Thực hiện đầy đủ 7 nội dung CSSKSS theo từng tuyến.

Nghiên cứu tổ chức thêm các loại hình mới để cung cấp tư vấn cùng các dịch vụ kỹ thuật về SKSS, SKVTN.

Đảm bảo có đủ NHS và cán bộ chuyên khoa tại tất cả các tuyến. Đào tạo hỗ trợ giám sát y tế tư nhân, cung cấp dịch vụ CSSKSS có chất lượng.

Cung cấp trang thiết bị thuốc men theo danh mục quy định.

2.3. Các chính sách hỗ trợ chiến lược

Chính sách khuyến khích sử dụng các BPTT hiện đại.

Khuyến khích cán bộ đi phục vụ ở cơ sở, vùng khó khăn.

Chính sách hỗ trợ đối tượng chính sách và vùng khó khăn.

Chính sách khuyến khích cán bộ nâng cao nghiệp vụ.

Các văn bản hướng dẫn thực hiện về kỹ thuật, quản lý các hoạt động CSSKSS.

3. Các biện pháp chăm sóc khỏe sinh sản

3.1. Kế hoạch hóa gia đình

Thực hiện đa dạng hoá các biện pháp tránh thai, cung cấp các biện pháp tránh thai mới và cung ứng đầy đủ bao cao su; để kết hợp phòng chống các bệnh lây truyền qua đường tình dục, kể cả HIV/AIDS

3.2. Bảo đảm cung cấp các dịch vụ chăm sóc các bà mẹ trước, trong và sau sinh, chăm sóc sơ sinh và trẻ em

Phát triển dịch vụ chăm sóc trước sinh, giảm tỷ lệ bà mẹ không được khám thai, tăng tỷ lệ thai phụ khám thai đủ 3 lần có chất lượng và chọn nơi sinh, tăng cường cơ sở

vật chất, trang thiết bị, cán bộ chuyên môn có đủ trình độ cho các khoa sản và ngoại sản của các bệnh viện tuyến huyện, và cung cấp thuốc cấp cứu sản khoa nhằm giảm tử vong mẹ. Đẩy mạnh chăm sóc sau sinh nhằm giúp đỡ sản phụ giữ gìn sức khỏe, phòng chống các bệnh tật-biến chứng sau sinh, hướng dẫn chăm sóc con, nuôi con bằng sữa mẹ, tư vấn KHHGD.

3.3. Nạo phá thai an toàn, xử lý tốt các biến chứng và chăm sóc sau nạo phá thai

Có đủ cán bộ chuyên môn vững tay nghề, điều kiện vật chất trang thiết bị thuốc men cần thiết để thực hiện nạo phá thai an toàn, điều trị tốt các tai biến do nạo phá thai và thực hiện tốt các chăm sóc và tư vấn sau nạo phá thai.

3.4. Dự phòng và điều trị các nhiễm khuẩn đường sinh sản, các bệnh lây truyền đường tình dục HIV/AIDS

Các cơ sở y tế cung cấp dịch vụ KHHGD có điều kiện về cơ sở vật chất trang thiết bị, thuốc men để chẩn đoán, điều trị bệnh nhiễm khuẩn đường sinh sản và lây truyền đường tình dục.

3.5. Phát hiện và điều trị sớm các ung thư đường sinh sản

Khám sàng lọc và tầm soát bệnh ung thư bằng xét nghiệm hoặc nghiệm pháp đơn giản định kỳ 6 tháng, một năm một lần, có phương tiện lấy bệnh phẩm, chú ý phụ nữ 45 tuổi trở lên. Bảo đảm việc CSSKSS người cao tuổi và chẩn đoán, điều trị, chăm sóc bệnh nhân ung thư ở bệnh viện.

3.6. Dự phòng và điều trị vô sinh

Phát hiện và điều trị sớm các bệnh liên quan đến vô sinh.

3.7. CSSKSS vị thành niên

- Đối với thiếu niên: Cung cấp thông tin cho thiếu niên hiểu về giới tính, đề phòng có thai ngoài ý muốn, các bệnh lây truyền theo tình dục có nguy cơ vô sinh. Tư vấn về lây gia đình và giải thích về các vấn đề sinh sản. Tình yêu và luyện ái lành mạnh. Phổ biến kiến thức vệ sinh kinh nguyệt, bộ phận sinh dục.

- Giới tính và các mối liên quan giữa hai giới: quan hệ bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực tình dục và sinh sản.

3.8. Phát hiện sớm các khối u phụ khoa

- Thường xuyên tự nắn vú để phát hiện sớm các khối u và điều trị sớm
- 6 tháng/ lần nên làm phẩn đồ âm đạo- cổ tử cung để phát hiện những tế bào bất thường, hoặc soi cổ tử cung nếu có tổn thương và điều trị sớm.

3.9. Rối loạn tiền mãn kinh và mãn kinh

- Những dấu hiệu bất thường có thể có trong giai đoạn tiền mãn kinh: rong kinh, kinh mau, kinh thưa...

- Những dấu hiệu bất thường có thể gặp trong thời kỳ mãn kinh: bốc hỏa, hồi hộp, đánh trống ngực, lạnh đầu chi.

- Những nguy cơ có thể gặp trong thời kỳ mãn kinh: loãng xương dẫn đến gãy xương (gãy cổ xương đùi và cột sống thắt lưng), ung thư niêm mạc tử cung.

CÂU HỎI LƯỢNG GIÁ:

1. Sức khỏe sinh sản là sự thoải mái hoàn toàn về, NGOẠI TRỪ:

- A. Thể chất
- B. Tinh thần
- C. Sức khỏe
- D. Không bệnh tật của hệ thống sinh sản

2. Chăm sóc SKSS có bao nhiêu nội dung chính, CHỌN CÂU ĐÚNG NHẤT:

- A. 7
- B. 8
- C. 9
- D. 10

3. Nội dung nào sau đây không nằm trong những nội dung chính của chăm sóc SKSS, CHỌN CÂU ĐÚNG NHẤT:

- A. Thông tin – giáo dục truyền thông và tư vấn
- B. Kế hoạch hoá gia đình
- C. Bạo lực gia đình
- D. Sức khoẻ phụ nữ tiền mãn kinh và mãn kinh

4. Chăm sóc SKSS bao gồm mấy mục tiêu, CHỌN CÂU ĐÚNG NHẤT:

- A. 5
- B. 6
- C. 7
- D. 8

5. Để phát hiện sớm các tổn thương ở cổ tử cung nên làm phiên đồ âm đạo cổ tử cung khoảng, CHỌN CÂU ĐÚNG NHẤT:

- A. 3 tháng 1 lần
- B. 6 tháng 1 lần
- C. 9 tháng 1 lần
- D. 1 năm 1 lần

TaiLieu.vn

Bài 2

GIẢI PHẪU, SINH LÝ SINH DỤC NỮ

Mục tiêu

1. Kể tên và mô tả các thành phần bộ phận sinh dục nữ
2. Phân tích chức năng sinh lý sinh dục nữ
3. Giải thích vòng kinh của phụ nữ
4. Áp dụng sinh lý sinh dục để hướng dẫn kế hoạch hóa gia đình

1. Đặc điểm giải phẫu của bộ máy sinh dục nữ

Hệ sinh dục nữ gồm 2 phần:

- Cơ quan sinh dục ngoài: Âm hộ, âm đạo và tầng sinh môn.
- Cơ quan sinh dục trong: Tử cung, vòi trứng và buồng trứng.

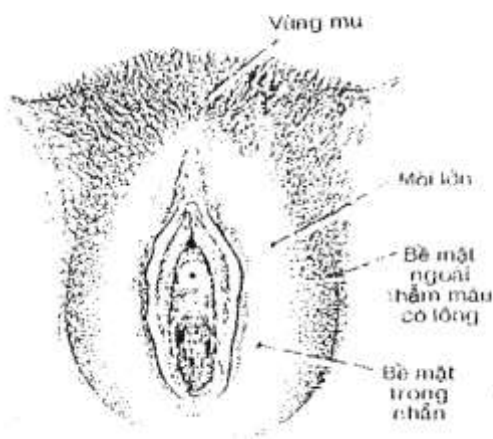
Cơ quan sinh dục đảm nhận chức năng quan trọng là chức năng sinh sản.

1.1. Âm hộ

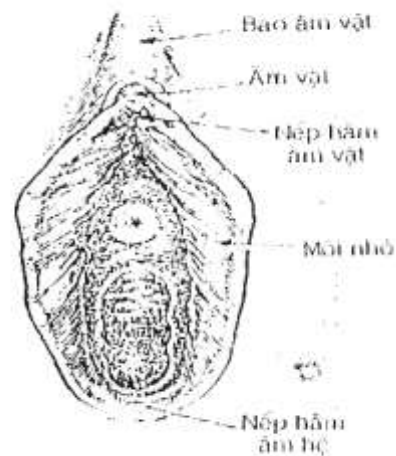
Âm hộ: Là bộ phận ngoài của bộ phận sinh dục nữ. Là tất cả những phần bên ngoài nhìn thấy được từ xương vệ đến tầng sinh môn

- Đồi vệ nữ: Là lớp tổ chức mỡ nằm trên xương vệ, có lông bao phủ bên ngoài.
- Âm vật: Dài từ 1-2cm, đường kính ngang 0,5cm. Tương đương với dương vật ở nam giới nhưng không có thể xốp và không có niệu đạo nằm trong âm vật.
- Hai môi lớn: là hai khối mô được da che phủ ở hai bên âm hộ, nối tiếp với đồi vệ nữ và tỏa vào vùng tầng sinh môn phía sau, sau tuổi dậy thì cũng có lông bao phủ.
- Hai môi bé: là hai nếp gấp của da ở phía trong hai môi lớn, phía trước hai môi bé nối tiếp nhau và bao lấy âm vật, phía sau hai môi bé hòa vào nhau thành mép sau âm hộ, đó cũng là mép của tầng sinh môn. Môi bé không có lông nhưng có nhiều tuyến và nhiều dây thần kinh cảm giác.
- Lỗ niệu đạo: Nằm trong vùng tiền đình

- Vùng tiền đình, một vùng hình tam giác giới hạn phía trước là âm vật, hai bên là hai môi bé, phía sau là mép sau âm hộ. Hai bên lỗ niệu đạo có hai tuyến sken.
- Màng trinh và lỗ âm đạo: màng trinh có nhiều dạng khác nhau, có nhiều đầu dây thần kinh cảm giác, không có sợi cơ trơn, che ống âm đạo bên trong, chỉ chứa một lỗ nhỏ để máu kinh chảy ra ngoài.
- Tuyến bartholin: nằm trong phần sau của hai môi bé. Cửa tuyến đổ ra theo một lỗ nhỏ giữa màng trinh và hai môi bé tại các vị trí 4 giờ và 8 giờ. Tuyến bartholin có nhiệm vụ tiết dịch giúp cho âm đạo không bị khô. Nếu bị viêm, tuyến này bị sưng to và có thể sờ thấy.



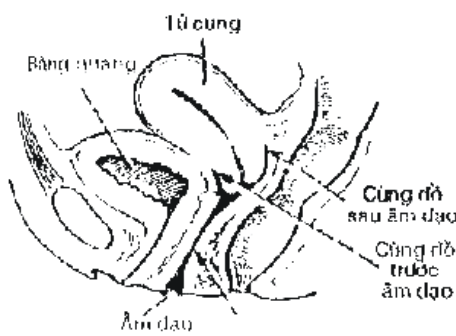
Hình : Âm hộ



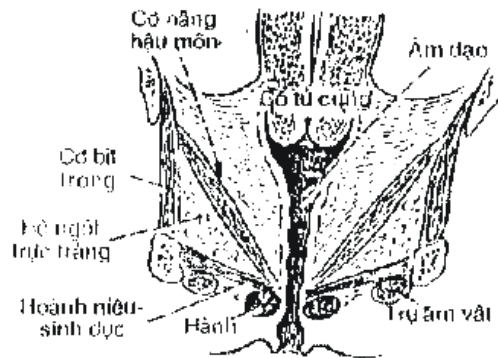
Hình : Âm vật

1.2. Âm đạo

Âm đạo: là một ống cơ trơn nối âm hộ tới cổ tử cung. Âm đạo là nơi nhận tinh trùng khi giao hợp và là đường thai nhi lọt qua khi chuyển dạ. Bình thường hai thành trước và sau ép vào nhau tạo thành một khe, khi cần thiết âm đạo có thể giãn rộng. Lỗ âm đạo thông ra âm hộ, có màng trinh đậy lỗ âm đạo.



Thiết đồ cắt đứng dọc âm đạo



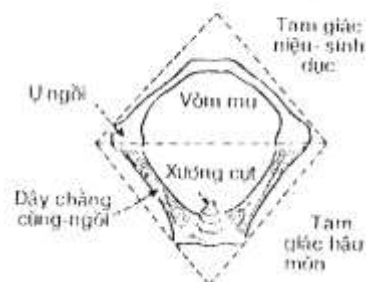
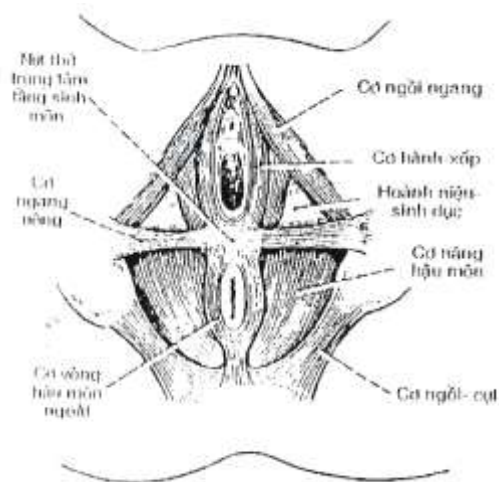
Thiết đồ cắt đứng ngang âm đạo

Hình : Âm đạo

1.3. Tầng sinh môn

Tầng sinh môn hay đáy chậu là một vùng gồm tất cả các tổ chức và các phần mềm (cân, cơ, dây chằng) bịt lỗ dưới của khung chậu. Tầng sinh môn có dạng hình trám, giới hạn ở phía trước là bờ dưới xương vệt, hai bên là hai ụ ngồi và phía sau là đỉnh của xương cụt.

Nhìn từ ngoài, đường nối hai ụ ngồi chia tầng sinh môn ra làm hai phần: Tầng sinh môn trước hay đáy chậu niệu sinh dục và tầng sinh môn sau hay đáy chậu hậu môn (Giữa nam và nữ tầng sinh môn trước có cấu tạo khác nhau còn tầng sinh môn sau có cấu tạo giống nhau).



Hình 4 : Tầng sinh môn

1.4. Tử cung

Tử cung : là một cơ quan tạo thành bởi các lớp cơ trơn dày. Đây là nơi làm tổ và phát triển của trứng đã thụ tinh cho tới khi thai trưởng thành. Tử cung thay đổi rất nhiều theo giai đoạn phát triển của người phụ nữ, theo chu kỳ kinh nguyệt và thai nghén.

Hình thể và cấu trúc

Tử cung có dạng hình chóp cụt, đáy rộng ở trên và được chia ra làm 3 phần: thân tử cung, eo tử cung và cổ tử cung.

1.4.1.Thân tử cung

Thân tử cung có dạng hình thang, đáy rộng ở trên và gọi là đáy tử cung, đáy tử cung có hai sừng (góc) ở hai bên. Sừng tử cung là nơi vòi trứng thông với buồng tử cung, và là nơi bám của dây chằng tròn và dây chằng tử cung -buồng trứng.

Thân tử cung có chiều dài khoảng 4cm và chiều rộng khoảng 4-5cm. Ở những người đã sinh nhiều lần thì tử cung có kích thước to hơn, dài 5cm, rộng 5,5cm. Trọng lượng khoảng 50g.

1.4.2.Eo TC

Là nơi thắt nhỏ lại, tiếp giáp giữa thân và cổ TC, dài khoảng 0,5cm. Khi có thai vào những tháng cuối của thai kỳ eo TC sẽ giãn dài ra và trở thành đoạn dưới TC.

1.4.3.Cổ TC

Dài 2-3cm, rộng 2cm. Lúc chưa sinh CTC tròn đều, mật độ chắc, lỗ ngoài CTC tròn. Sinh 1 lần thì CTC dẹp lại, mật độ mềm hơn, lỗ ngoài rộng ra và không còn tròn như lúc chưa sinh. Sinh càng nhiều thì lỗ ngoài càng rộng ra theo chiều ngang.

1.5. Buồng trứng

Buồng trứng là một cơ quan vừa ngoại tiết (phóng noãn), vừa nội tiết (tiết estrogen và progesterone).

Buồng trứng có dạng hình hạt, dẹt, có hai mặt ngoài và trong, hai đầu trên và dưới.

Buồng trứng màu hơi hồng, dài 3 cm, rộng 2 cm, dày 1cm. Trước tuổi dậy thì buồng trứng nhẵn đều, sau tuổi dậy thì buồng trứng trở nên xù xì vì mỗi tháng có